

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/DS-ST
Ngày 07 - 8 - 2024
*Về việc tranh chấp hụi và hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Chi
- Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Đăng
Ông Đỗ Minh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hụi và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương T, sinh năm: 1975 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Bé D, sinh năm: 1985 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Phương T trình bày:

Đối với tiền hụi: Bà có tham gia hụi do bà Phạm Thị Bé D làm chủ, dây hụi đã mãn nhưng bà D không trả tiền hụi cho bà cụ thể bà tham gia dây hụi mở ngày 25 tháng 7 năm 2018 âm lịch, dây hụi này đã mãn và số tiền bà Duyên nợ bà là 42.000.000 đồng; bà có mua 01 chung hụi do bà D làm chủ dây hụi mở ngày 02 tháng 6 năm 2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000đ/tháng, tổng số 37 chung, số tiền bà đã bỏ ra để mua hụi là 33.900.000 đồng, tổng cộng hai dây hụi này bà Duyên nợ bà số tiền 75.900.000 đồng.

Đối với tiền vay: vào ngày 27 tháng 9 năm 2018 âm lịch bà **D** có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 7%/tháng. Khi nhận tiền thì bà **D** có ghi biên nhận cho bà vì số tiền vay đã quá lâu bà **D** chỉ đóng lãi khoảng 01 năm sau khi vay với số tiền 8.400.000 đồng thì không đóng tiền lãi nữa, khoảng gần dịp tết nguyên đán năm 2024 bà **D** có trả được cho bà 1.000.000 đồng bà có nói là trừ vào tiền gốc, số tiền bà **D** vay đã quá lâu nếu tính theo lãi suất quy định của nhà nước thì số tiền lãi còn nhiều hơn số tiền lãi bà **D** đã đóng cho bà nhưng bà không yêu cầu tính lãi và bà đồng ý bớt thêm 1.000.000 đồng tiền vay gốc cho bà **D** nên bà yêu cầu bà **D** phải trả cho bà số tiền vay gốc 8.000.0000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11/7/2024 bị đơn bà **Phạm Thị Bé D** trình bày:*

Đối với số tiền tại hai dây hụi bà **T** yêu cầu bà thừa nhận còn nợ số tiền như bà **T** yêu cầu gồm: Dây hụi mở ngày 25 tháng 7 năm 2018 âm lịch số tiền 42.000.000 đồng và dây hụi ngày 02 tháng 6 năm 2020 âm lịch số tiền 33.900.000 đồng, bà **T** yêu cầu bà trả số tiền trên và đồng ý trả cho bà **T**. Đối với số tiền vay trước đây là bà vay dùm người khác sau khi vay hàng tháng đóng lãi cho bà **T** theo thỏa thuận được là 700.000 đồng một tháng, bà đã đóng lãi cho bà **T** đến khoảng giữa năm 2022 mới nghỉ đóng; vào dịp Tết Nguyên Đán năm 2024 bà có trả cho bà **T** 1.000.000 đồng thì bà **T** nói trừ vào tiền gốc; do số tiền lãi bà đã đóng cho bà **T** quá nhiều nên bà yêu cầu bà **T** cho bà xin không trả số tiền vay. Bà không có khả năng trả tiền hụi cho bà **T** một lần nên yêu cầu được trả từ từ. Trường hợp bà **T** không đồng ý cho bà trả từ từ mà tòa án đưa vụ án ra xét xử thì bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt khi giải quyết vụ án của bà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 463, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 16, 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Phương T**. Buộc bà **Phạm Thị Bé D** trả cho bà **Nguyễn Phương T** số tiền hụi 75.900.000 đồng và tiền vay gốc 8.000.000 đồng; về án phí: Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà **Nguyễn Phương T** khởi kiện yêu cầu bà **Phạm Thị Bé D** trả tiền hụi và tiền vay. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T, bà D yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt T, bà D theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với số tiền hụi bà Nguyễn Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Bé D trả cho bà số tiền hụi là 75.900.000 đồng. Xét thấy, việc bà T tham gia dây hụi và mua hụi do bà D làm chủ là có thật được bà D thừa nhận, bà D cũng xác định tổng số tiền hụi bà D còn nợ bà T là 75.900.000 đồng và đồng ý trả cho bà T. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phương T đối với bà Phạm Thị Bé D về việc yêu cầu trả tiền hụi là 75.900.000 đồng.

Đối với số tiền vay bà T yêu cầu bà D trả 8.000.000 đồng. Bà D cho rằng vì đã đóng lãi cho bà T nhiều nên yêu cầu không trả tiền vay gốc cho bà T còn bà T cho rằng bà D chỉ đóng lãi được khoảng 01 năm thì không đóng nữa và bà D có trả cho bà 1.000.000 đồng và đồng ý bớt cho bà D thêm 1.000.000 đồng nên số tiền gốc bà T yêu cầu là 8.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà D vay tiền của bà T là có thật thể hiện tại biên nhận ngày 27/9/2018 (bút lục 07) và được bà D thừa nhận, bà D cho rằng đã đóng lãi theo thỏa thuận cho bà T đến giữa năm 2022 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã đóng lãi cho bà T đến giữa năm 2022 trong khi bà T cho rằng chỉ đóng lãi được 01 năm sau khi vay, số tiền lãi bà T đã nhận được theo thỏa thuận là 8.400.000 đồng trong khi số tiền lãi điều chỉnh theo mức lãi suất quy định từ khi vay đến nay nhiều hơn số tiền lãi bà T đã nhận. Mặt khác, bà T không yêu cầu tính lãi và đồng ý bớt cho bà D thêm 1.000.000 đồng tiền vay gốc chỉ yêu cầu bà D trả 8.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà D trả cho bà T số tiền vay gốc 8.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi và tiền vay buộc bà D phải trả cho bà T là 83.900.000 đồng.

Bà D yêu cầu được trả tiền dần cho bà T vì không có khả năng trả một lần nhưng bà T không đồng ý để bà D trả dần. Xét thấy, giữa các đương sự không thống nhất được phương thức trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét, giữa bà T và bà D có quyền thỏa thuận phương thức trả tiền trong quá trình thi hành án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phạm Thị Bé D phải chịu 83.900.000 đồng x 5% = 4.195.000 đồng. Bà Nguyễn Phương T không phải chịu án phí, bà T đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phương T về việc yêu cầu bà Phạm Thị Bé D trả tiền hui và tiền vay.

Buộc bà Phạm Thị Bé D trả cho bà Nguyễn Phương T tổng số tiền 83.900.000 (tám mươi ba triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phạm Thị Bé D phải chịu 4.195.000 (bốn triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Phương T không phải chịu án phí, bà Nguyễn Phương T đã nộp tạm ứng án phí 2.148.000 (hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006579 ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T, bà D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng C

